

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 118/2020/HS-ST

Ngày: 22 - 9 - 2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn An

-Thư ký phiên tòa: Ông Đào Hùng Thái - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Xoài

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Công Vang - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Xoài mở phiên tòa xét xử công khai theo thủ tục rút gọn vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 112/2020/TLST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Minh T, sinh năm 1990 tại Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú ấp 4, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh, giới tính: Nam, tôn giáo: Không, Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Nguyễn T, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1965, bị cáo có vợ là chị Phan Thị Kim Y, sinh năm 1997 và có 01 người con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/8/2020 cho đến ngày 13/8/2020 được tại ngoại “bị cáo có mặt”.

Bị hại:

Công ty TNHH Một thành viên Huệ Á. Địa chỉ khu phố T 01, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Một thành viên Huệ Á: Ông Nguyễn Quốc Á, sinh năm 1965; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tổ 01, khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước - Chức vụ Giám đốc Công ty “có mặt”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Phan Thị Kim Y, sinh năm 1997; nơi cư trú ấp 4, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước “có mặt”.

Người làm chứng:

Ông Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1995; nơi cư trú tổ 01, khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”.

Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1972; nơi cư trú khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2013 đến nay, Nguyễn Minh T làm công việc lái xe và giao hàng thuê cho nhà phân phối “Huệ Â” thuộc tổ 01, khu phố T, phường T, thành phố Đ do ông Nguyễn Quốc Â làm chủ, quá trình làm việc tại đây T biết được nơi cất chừa khóa của kho hàng. Khoảng 08 giờ ngày 10/8/2020, Nguyễn Minh T, đến nhà phân phối “Huệ Â” để làm việc như thường lệ, do thấy nhân viên đông và gia đình ông Â có sơ hở trong việc quản lý tài sản nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản trong kho hàng của nhà phân phối bán lấy tiền tiêu xài. T lén lút lấy chìa khóa mở kho hàng và lấy trộm 01 thùng thuốc lá hiệu WHITE HORSE gồm 50 cây, tổng cộng 500 gói thuốc lá điều còn nguyên. T lén lút mang thùng thuốc lá đến cất giấu tại bụi cỏ phía sau, cách kho hàng khoảng 50 mét sau đó quay lại làm việc bình thường. Sau khi phát hiện bị mất tài sản, ông Â đi tìm và phát hiện vị trí nơi T cất giấu thùng thuốc nên ông Â cùng gia đình ông Nguyễn Văn H tổ chức mật phục. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô biển số 49E1 – 353.26 đến lấy thùng thuốc đã cất giấu từ trước thì bị ông Â, ông H cùng một số người dân bắt giao cho Công an phường T, thành phố Đ lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Tại Kết luận định giá tài sản số 140/KLĐG ngày 13/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự kết luận: 01 thùng thuốc lá điều nhãn hiệu WHITE HORSE còn nguyên vẹn gồm 50 cây, tổng cộng 500 gói trị giá 9.590.000 đồng.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã thu giữ 01 thùng thuốc lá điều hiệu WHITE HORSE gồm 50 cây, tổng cộng 500 gói và xe mô tô biển số 49E1 – 353.26. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại những tài sản trên cho chủ sở hữu hợp pháp.

Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 119/QĐ-VKS ngày 04/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đã truy tố bị cáo Nguyễn Minh T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T mức án từ 09 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có thu nhập ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Do người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng vụ án: Do tài sản bị thu giữ đã trả lại người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Bị cáo T tại phiên tòa đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận mà chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến và khiếu nại gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 119/QĐ-VKS ngày 04/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng; biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ đồ vật, tài liệu; kết luận điều tra, cùng các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và đã được T tra công khai tại phiên tòa. Thấy, phù hợp với nhau về thời gian, địa điểm và phương thức thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân nên khoảng 08 giờ ngày 10/8/2020, lợi dụng việc kho hàng của nhà phân phối “Huệ Â” thuộc tổ 01, khu phố T, phường T, thành phố Đ do ông Nguyễn Quốc Â làm chủ không có người trông coi Nguyễn Minh T đã lén lút lấy chìa khóa và mở kho hàng lấy trộm 01 thùng thuốc lá hiệu WHITE HORSE gồm 50 cây, tổng cộng 500 gói thuốc lá điều còn nguyên, sau đó T đem cất giấu ngoài bụi cỏ cách kho hàng khoảng 50 mét. Đến khoảng 20 giờ 30 phút T điều khiển xe mô tô biển số 49E1 – 353.26 đến lấy thùng thuốc lá thì bị ông Ân, ông Hòa cùng một số người dân bắt giao cho Công an phường T, thành phố Đ lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Tại Kết luận định giá tài sản số 140/KLĐG ngày 13/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự kết luận: 01 thùng thuốc lá hiệu nhãn hiệu WHITE HORSE còn nguyên vẹn gồm 50 cây, tổng cộng 500 gói trị giá 9.590.000 đồng.

[3] Căn cứ vào hành vi bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị là 9.590.000 đồng nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Bị cáo là người đã thành niên, hoàn toàn nhận thức được việc lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản để lén lút chiếm đoạt tài sản là hành vi phạm tội nhưng vì mục đích vụ lợi cá nhân mà bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại, là khách thể được pháp luật bảo vệ, vì vậy cần có mức hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Bị cáo được xem xét các tình tiết giảm nhẹ trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho người bị hại nên chưa gây thiệt hại, người bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, gia đình bị cáo có công với cách mạng. Đây là tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xét thấy bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại cho người bị hại nên chưa gây thiệt hại, người bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, do đó xét không cần thiết phải cách ly bị cáo để giáo dục mà chỉ cần lên cho bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội, cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Do người bị hại anh ông Nguyễn Quốc Á đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về vật chứng vụ án: Đối với thùng thuốc lá điều đã trả lại cho người bị hại ông Nguyễn Quốc Ân và chiếc xe mô tô nhãn hiệu biển số 49E1 – 353.26 đã trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị Kim Y nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 50 của Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Tuyên giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017.

Trường hợp bị cáo vắng mặt hoặc thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại Điều 87 và khoản 2 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Do các bên không ai có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về vật chứng vụ án:

Do tài sản thu giữ đã trả lại và không ai có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm:

Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước;
- VKSND Thành phố Đ;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS Thành phố Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước.
- UBND xã Đ;
- CA Thành phố Đ;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh BP;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS-VP.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Văn An